

Số: **588/2020/QĐST-HNGĐ**

Bình Chánh, ngày 03 tháng 8 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ
SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 110 và Điều 116 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 611/2020/TLST-VHNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2020 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Người yêu cầu: Ông **Trần Văn M**, sinh năm: 1983.

Địa chỉ: đường số 4, ấp 2, xã B, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Người yêu cầu: Bà **Nguyễn Thị Ngọc T**, sinh năm: 1988.

Địa chỉ: đường số 4, ấp 2, xã B, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ vợ chồng: Ông Trần Văn M và bà Nguyễn Thị Ngọc T thuận tình ly hôn với nhau. Quan hệ hôn nhân giữa ông Trần Văn M và bà Nguyễn Thị Ngọc T chấm dứt cũng như giấy chứng nhận kết hôn số 53, quyển số I/2014 do Ủy ban nhân dân xã B, huyện C cấp ngày 26/6/2014 không còn giá trị pháp lý kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật.

[2]. Về con chung: Ông Trần Văn M và bà Nguyễn Thị Ngọc T xác nhận có 01 (một) con chung tên Trần Phúc K, sinh ngày: 03/6/2015. Ông M và bà T thỏa thuận giao trẻ Trần Phúc K cho bà Nguyễn Thị Ngọc T tiếp tục trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng; ông M có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng (Một triệu đồng). Việc cấp dưỡng được thực hiện vào ngày 01 tây hàng tháng, bắt đầu thực hiện vào ngày 01/08/2020.

Các bên giao nhận tiền cấp dưỡng nuôi con tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp ông Trần Văn M không thực hiện việc cấp dưỡng nuôi con theo thỏa thuận thì bà Nguyễn Thị Ngọc T có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm

quyền thi hành việc ông M có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Kể từ khi bà T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Minh chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con thì ông M phải trả lãi đối với số tiền chậm cấp dưỡng nuôi con tương ứng với thời gian chậm cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

Ông Trần Văn M có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền cản trở, vì lợi ích con chung, khi cần thiết các bên có quyền xin thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con sau này theo quy định tại Điều 83, Điều 84 và Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó theo quy định tại Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3]. Về tài sản chung: Ông Trần Văn M và bà Nguyễn Thị Ngọc T đều xác nhận không có nên Tòa không đặt ra để giải quyết.

[4]. Về nợ chung: Ông Trần Văn M và bà Nguyễn Thị Ngọc T đều xác nhận không có nên Tòa không đặt ra để giải quyết.

[5]. Về lệ phí: Ông Trần Văn M và bà Nguyễn Thị Ngọc T chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) lệ phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu thuận tình ly hôn nhưng được cản trở vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) mà ông M, bà T đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2019/0079535 ngày 18/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh. Ông Trần Văn M và bà Nguyễn Thị Ngọc T đã nộp đủ lệ phí.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Văn M và bà Nguyễn Thị Ngọc T thuận tình ly hôn với nhau. Quan hệ hôn nhân giữa ông Trần Văn M và bà Nguyễn Thị Ngọc T chấm dứt cũng như giấy chứng nhận kết hôn số 53, quyển số I/2014 do Ủy ban nhân dân xã B, huyện C cấp ngày 26/6/2014 không còn giá trị pháp lý kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật.

Về con chung: Ông Trần Văn M và bà Nguyễn Thị Ngọc T xác nhận có 01 (một) con chung tên Trần Phúc Khang, sinh ngày: 03/6/2015. Ông M và bà T thỏa thuận giao trẻ Trần Phúc K cho bà Nguyễn Thị Ngọc T tiếp tục trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng; ông Minh có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng (Một triệu đồng). Việc cấp dưỡng được thực hiện vào ngày 01 tây hàng tháng, bắt đầu thực hiện vào ngày 01/08/2020.

Các bên giao nhận tiền cấp dưỡng nuôi con tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp ông Trần Văn M không thực hiện việc cấp dưỡng nuôi con theo thỏa thuận thì bà Nguyễn Thị Ngọc T có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền thi hành việc ông M có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Kể từ khi bà T có đơn yêu

cầu thi hành án, nếu ông Minh chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con thì ông Minh phải trả lãi đối với số tiền chậm cấp dưỡng nuôi con tương ứng với thời gian chậm cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

Ông Trần Văn M có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền cản trở, vì lợi ích con chung, khi cần thiết các bên có quyền xin thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con sau này theo quy định tại Điều 83, Điều 84 và Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó theo quy định tại Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về tài sản chung: Ông Trần Văn M và bà Nguyễn Thị Ngọc T đều xác nhận không có nên Tòa không xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Ông Trần Văn M và bà Nguyễn Thị Ngọc T đều xác nhận không có nên Tòa không xem xét, giải quyết.

2. Về lệ phí: Ông Trần Văn M và bà Nguyễn Thị Ngọc T chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) lệ phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu thuận tình ly hôn nhưng được căn trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) mà ông M, bà T đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2019/0079535 ngày 18/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh. Ông Trần Văn M và bà Nguyễn Thị Ngọc T đã nộp đủ lệ phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Dương sự.
- VKSND H. Bình Chánh.
- Chi cục THADS H. Bình Chánh.
- Cơ quan đăng ký kết hôn.
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Phạm Thị Kim Định